

Banca - Generale

Vietnamita

Tôi có thể rút tiền ở [tên đất nước] không mất phí được không?

Domandare se ci sono spese di commissione quando prelevi in un determinato paese

Esperanto

Ĉu mi povas retiri monon en [lando] sen pagi kotizojn?

Phí rút tiền ở ATM khác ngân hàng là bao nhiêu?

Domandare quali sono le spese di commissione quando prelevi allo sportello bancomat di un'altra banca

Kio estas la kotizoj se mi uzas eksteran monaŭtomaton?

Banca - Aprire un conto corrente

Vietnamita

Tôi muốn mở một tài khoản ngân hàng

Dire che vuoi aprire un conto corrente

Esperanto

Mi ŝatus malfermi bankan konton.

Tôi muốn đóng tài khoản ngân hàng của mình

Dire che vuoi chiudere il tuo conto corrente

Mi ŝatus fermi bankan konton.

Tôi có thể mở tài khoản ngân hàng online được không?

Domandare se puoi aprire un conto corrente con una procedura online

Ĉu mi povas malfermi bankokonton rete?

Tôi sẽ nhận được thẻ vay nợ hay thẻ tín dụng?

Domandare che tipo di carta è prevista con il tuo conto

Ĉu mi ricevos karton de debeto aŭ kreditkarton?

Tôi có thể làm thủ tục ngân hàng trên điện thoại được không?

Domandare se puoi effettuare operazioni bancarie dal tuo cellulare

Ĉu mi povas uzi bankismon sur mia telefono?

Bạn có những loại thẻ nào?

Domandare quali tipi di conto corrente sono disponibili

Kio tipoj de bankokontoj vi havas?

tài khoản hiện tại

Tipo di conto corrente

kuranta konto

tài khoản tiết kiệm

Tipo di conto corrente

ŝparadoj konto

tài khoản cá nhân

Tipo di conto corrente

persona konto

tài khoản chung

Tipo di conto corrente

kuna konto

tài khoản con

Tipo di conto corrente

infana konto

tài khoản ngoại tệ

Tipo di conto corrente

fremda valuto konto

tài khoản kinh doanh

Tipo di conto corrente

afera konto

tài khoản sinh viên

Tipo di conto corrente

studenta konto

Có khoản phí hàng tháng nào không?

Domandare se sono previsti canoni mensili per il conto

Ĉu estas monataj kotizoj?

Phí chuyển tiền quốc tế là bao nhiêu?

Domandare informazioni sulle commissioni per i bonifici esteri

Kio estas la komisionoj por internaciaj transpagoj?

Có bảo hiểm trong trường hợp thẻ ngân hàng của tôi bị mất hoặc bị đánh cắp hay không?

Domandare se è fornita un'assicurazione in caso la carta venga persa o rubata

Ĉu ekzistas ajnan asekuron en kazo ke mia karto estas perdita aŭ ŝtelita?

Tôi có sổ tài khoản không?

Domandare se viene fornito un libretto degli assegni quando si apre un conto

Ĉu mi ricevas ĉekaron?

Lãi suất tiết kiệm là bao nhiêu?

Informarsi riguardo il tasso d'interesse sui risparmi

Kio estas la interezo de ŝparadoj?

Có những cách nào để bảo vệ tôi khỏi các vụ lừa đảo?

Domandare quali provvedimenti prenda la banca in caso di frode

En kioj vojoj vi povas protekti min de fraŭdoj?

Tôi mất thẻ tín dụng

Dire che hai perso la tua carta di credito

Mi perdis mian kreditkarton.

Thẻ ngân hàng của tôi bị mất cắp

Dire che la tua carta di credito è stata rubata

Mia kreditkarto estis ŝtelita.

Có thể khóa tài khoản ngân hàng của tôi được không?

Chiedere se la banca può bloccare il tuo conto corrente

Ĉu vi povas bloki mian konton?

Tôi cần một thẻ mới thay thế

Dire che hai bisogno di una carta sostitutiva

Mi bezonas anstataŭan karton.

Banca - Aiuto finanziario

Vietnamita

Tôi muốn có thông tin về các khoản vay

Chiedere informazioni sui prestiti

Esperanto

Mi ŝatus havi informojn pri pruntoj.

Có điểm gì cần lưu ý về mức lãi suất không?

Informarsi sul tasso d'interesse

Kion vi povas diri min pri la interezo?

Tôi muốn có thông tin về thế chấp

Chiedere informazioni sui mutui ipotecari

Mi ŝatus havi informojn pri hipotejoj.

Tôi muốn nói chuyện với người tư vấn thế chấp

Chiedere di parlare con un consulente riguardo i mutui ipotecari

Mi ŝatus paroli kun hipotekokonsilanto.

Tôi mua nhà lần đầu tiên

Dire che stai comprando la tua prima casa

Mi aĉetos mian unuan hejmon.

Tôi mua bất động sản lần thứ hai

Dire che stai comprando una seconda proprietà

Mi aĉetos mian duan propraĵon.

Tôi muốn thế chấp

Dire che vuoi accendere una seconda ipoteca

Mi ŝatus ŝanĝi la hipotekon.

Tôi muốn làm mới thế chấp của mình

Dire che vuoi rivedere le condizioni del tuo mutuo ipotecario

Mi ŝatus reekzameni la hipotekon.

Tôi mua tài sản để cho

Dire che stai comprando una proprietà da affittare

Mi aĉetos nmoveblaĵon por lasi.

Thu nhập hằng năm trước thuế của tôi là _____.

Dire a quanto ammonta il tuo reddito annuo lordo

Mia malneta jara enspezo estas _____.

Banca - Assicurazione

Vietnamita

Tôi muốn mua bảo hiểm

Dire che sei interessato/a ad acquistare un'assicurazione

Esperanto

Mi ŝatus aĉeti asekuron.

Bảo hiểm hộ gia đình

Tipo di assicurazione

hejma/domanara asekuro

bảo hiểm du lịch

Tipo di assicurazione

vojaĝa asekuro

bảo hiểm nhân thọ

Tipo di assicurazione

viva asekuro

bảo hiểm sức khỏe

Tipo di assicurazione

sana asekuro

bảo hiểm ô tô

Tipo di assicurazione

aŭtoasekuro

bảo hiểm thú nuôi

Tipo di assicurazione

dombestoasekuro

bảo hiểm trộm cắp

Tipo di assicurazione

ŝtela asekuro

bảo hiểm thế chấp

Tipo di assicurazione

hipoteka protekto

bảo hiểm tài sản sinh viên

Tipo di assicurazione

studentoposedoj

bảo hiểm nhóm

Tipo di assicurazione

grupoasekuro

bảo hiểm tài sản

Tipo di assicurazione

proprietoasekuro

bảo hiểm lũ lụt

Tipo di assicurazione

inundoasekuro

bảo hiểm hỏa hoạn

Tipo di assicurazione

fajroasekuro

Bảo hiểm của tôi có hiệu lực trong bao nhiêu tháng?

Domandare per quanti mesi sarai coperto/a dall'assicurazione

Por kiom da monatoj mi estas kovrata?

Giá của bảo hiểm này là bao nhiêu?

Domandare il costo dell'assicurazione

Kio estas la prezo por la asekuro?